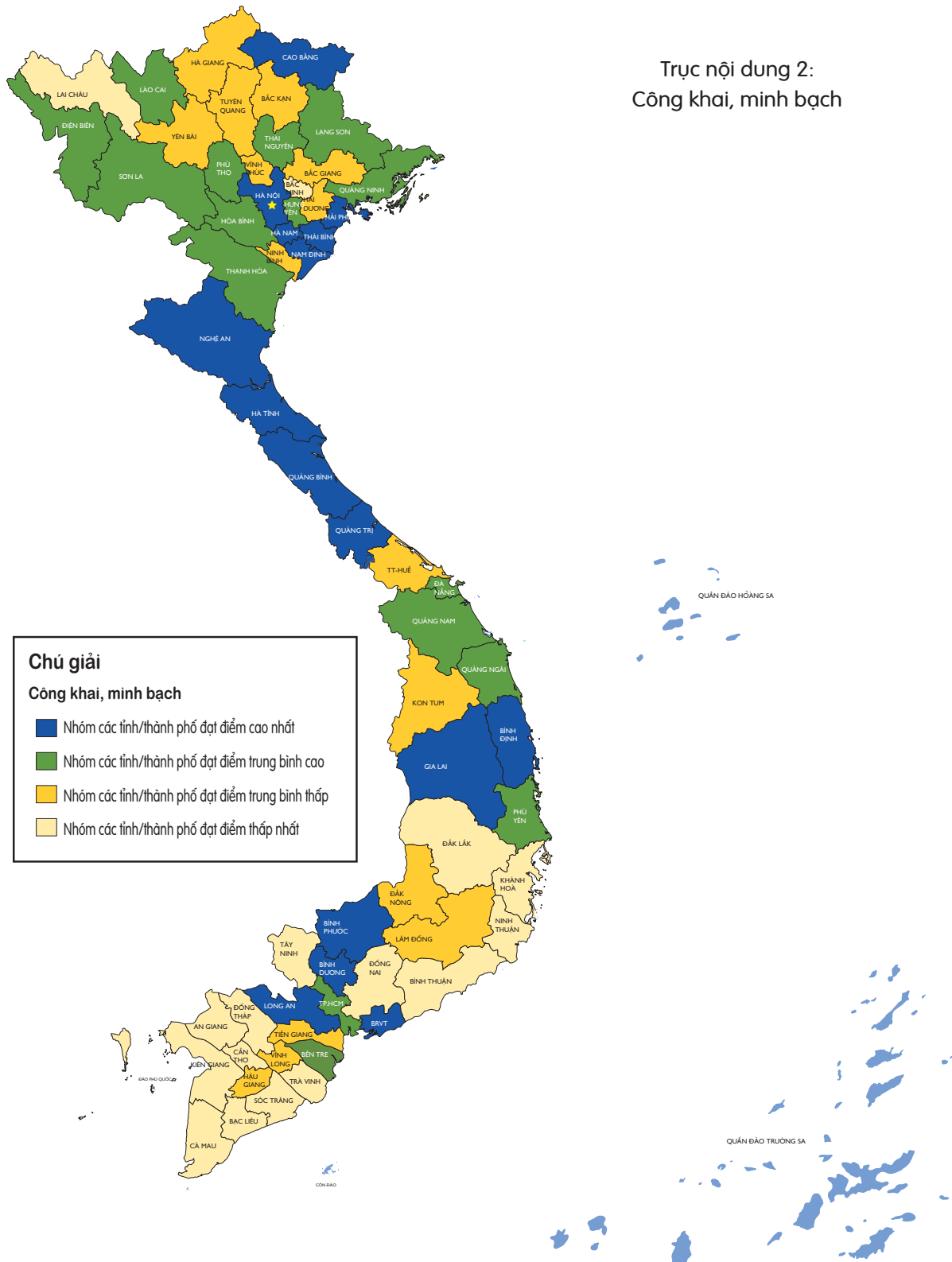


3.2. TRỰC NỘI DUNG 2: CÔNG KHAI, MINH BẠCH

Bản đồ 3.2: Công khai, minh bạch ở cấp tỉnh phân theo 4 cấp độ hiệu quả



Trực nội dung 2:
Công khai, minh bạch

Chú giải

Công khai, minh bạch

- Nhóm các tỉnh/thành phố đạt điểm cao nhất
- Nhóm các tỉnh/thành phố đạt điểm trung bình cao
- Nhóm các tỉnh/thành phố đạt điểm trung bình thấp
- Nhóm các tỉnh/thành phố đạt điểm thấp nhất

PAPI vận dụng khái niệm “công khai, minh bạch”, hay “quyền được biết” của người dân theo tinh thần của Pháp lệnh THDCCS. Theo quy định của pháp luật, các cấp chính quyền phải thực hiện một số chính sách một cách công khai, minh bạch. PAPI đo lường hiệu quả của chính quyền địa phương trong việc đảm bảo công khai, minh bạch thông qua ba quy định chính sách, gồm: (i) công khai, minh bạch về danh sách hộ nghèo; (ii) công khai, minh bạch về thu chi ngân sách cấp xã/phường; và (iii) công khai, minh bạch trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất bị thu hồi.

Phát hiện nghiên cứu chung của Trục nội dung 2 được biểu thị trên Biểu đồ 3.2a. Nhìn chung, ở Trục nội dung 2, các tỉnh/thành phố đạt điểm cao hơn khi so với Trục nội dung 1 về tham gia của người dân ở cấp cơ sở. Điểm thấp nhất toàn quốc là 4,5 điểm, và điểm cao nhất đạt gần 7 điểm. Năm tỉnh đạt điểm cao nhất bao gồm Quảng Bình, Quảng Trị, Thái Bình, Hà Nam và Nam Định, đều là những tỉnh nằm ở khu vực phía Bắc. Trong số này, Hà Nam và Nam Định có sự gia tăng về điểm lớn nhất khi so với điểm số của những địa phương này trong năm 2011.

Năm địa phương có số điểm thấp nhất là Trà Vinh, Bình Thuận, Bạc Liêu, Kiên Giang và Đắk Lắk, với số điểm chỉ ở khoảng 4,55 – 4,92 điểm. Trong số này, Trà Vinh, Bình Thuận, Bạc Liêu và Kiên Giang cũng nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất trong năm 2011, trong khi điểm số của Đắk Lắk giảm tương đối nhiều so với điểm số của tỉnh (thuộc nhóm trung bình) trong năm 2011. Điểm trung bình toàn quốc ở Trục nội dung 2 là 5,61, cao hơn không đáng kể so với điểm số 5,47 của năm 2011. Trong số 63 địa phương, Hưng Yên là tỉnh có mức điểm trung vị 5,78 điểm.

Tương tự kết quả khảo sát năm 2011, các tỉnh/thành phố dường như có mức độ công khai, minh bạch trong lập danh sách hộ nghèo. Điểm trung bình toàn quốc ở nội dung thành phần đạt 2,33 trên thang điểm 0,33 - 3,33, cao hơn so với điểm số 2,15 của năm 2011. Điểm số này cũng cao hơn nhiều so với điểm số ở nội dung thành phần về công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất. Nội dung thành

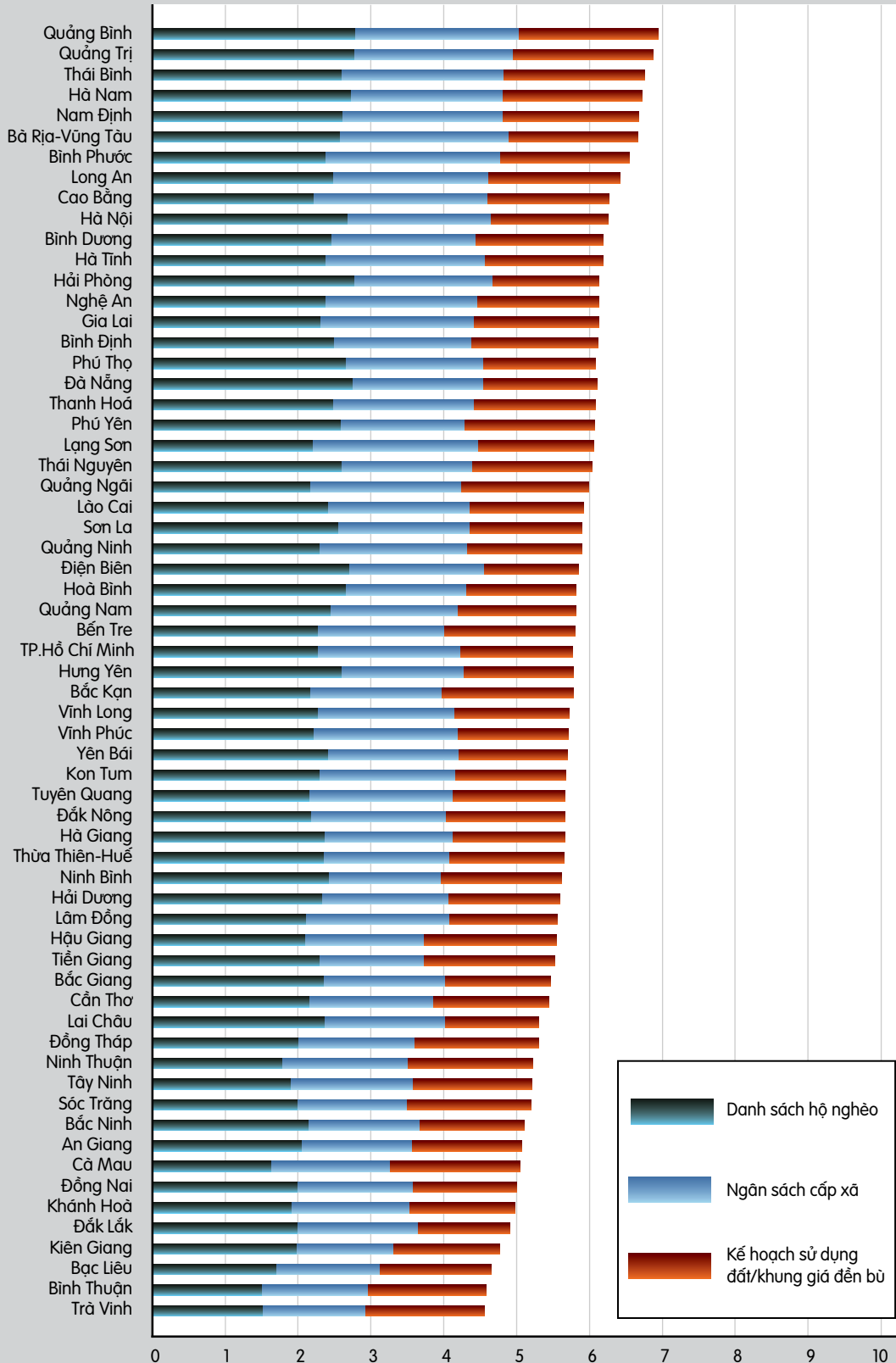
phần ‘công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất’ chỉ đạt 1,61 điểm trung bình toàn quốc, có tăng không đáng kể so với điểm số 1,56 của năm 2011. Nội dung thành phần về công khai, minh bạch thu chi ngân sách cấp xã/phường/thị trấn hầu như không có biến đổi qua hai năm: chỉ đạt 1,77 trong năm 2012, so với 1,76 trong năm 2011 trên thang điểm 0,33 - 3,33.

Bản đồ 3.2 cho một bức tranh chung về mức độ hiệu quả của các tỉnh/thành phố trong việc đảm bảo công khai, minh bạch được tổng hợp từ ba nội dung thành phần và xếp theo bốn nhóm. Màu xanh đậm thể hiện nhóm tỉnh/thành phố đạt điểm số cao nhất, và màu vàng cho nhóm đạt điểm thấp nhất. Màu xanh lá cây biểu thị nhóm đạt điểm trung bình cao và màu cam cho nhóm đạt điểm trung bình thấp.

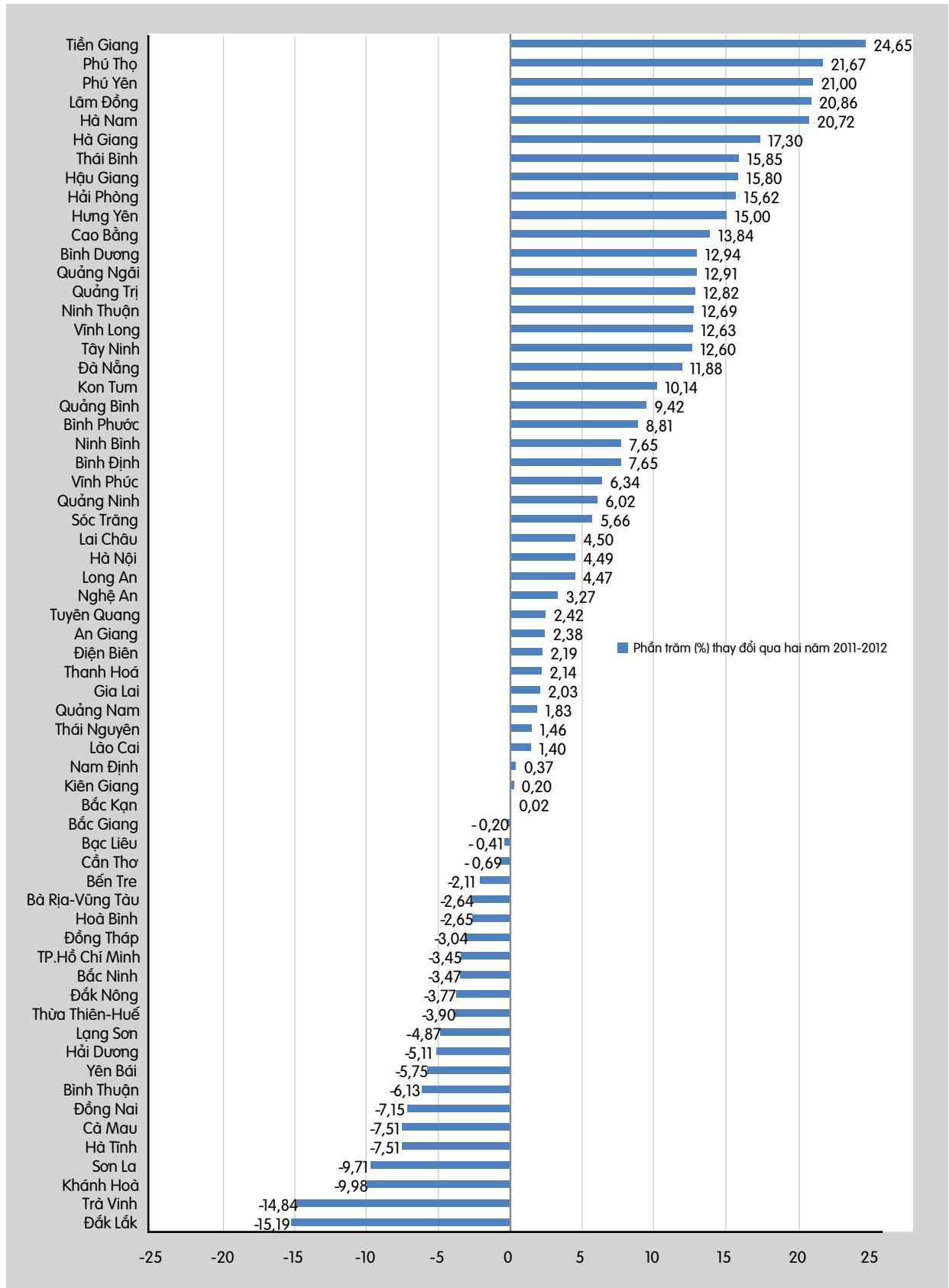
Biểu đồ 3.2b biểu thị mức độ thay đổi về điểm số của 63 tỉnh/thành phố qua hai năm 2011 và 2012. Ở Trục nội dung 2, có tới 19 địa phương có sự tiến bộ đáng kể với mức độ thay đổi về điểm số từ 10% trở lên. Những địa phương có mức độ cải thiện tích cực nhất bao gồm Hà Nam, Lâm Đồng, Phú Yên, Phú Thọ, Tiền Giang, với mức gia tăng về điểm từ 20% trở lên. Tuy nhiên, điểm số của khoảng 20 tỉnh/thành phố có suy giảm. Những địa phương có sự sụt giảm về điểm lớn nhất là Sơn La, Khánh Hòa, Trà Vinh và Đắk Lắk, với mức giảm từ 9,7% đến 15,2%. Điểm số của Tp. Hồ Chí Minh giảm 3,45% trong khi điểm của Hà Nội tăng lên không đáng kể ở mức 4,49%.

Bảng 3.2 liệt kê các chỉ tiêu, chỉ số thành phần được sử dụng để xây dựng ba nội dung thành phần cấu thành Trục nội dung 2. Ba cột đầu tiên nêu cụ thể tên gọi của trục nội dung, nội dung thành phần, chỉ số thành phần và các câu hỏi tương ứng trong Bộ phiếu hỏi PAPI. Các cột tiếp theo giới thiệu điểm trung bình toàn quốc của năm 2011 và 2012, và khoảng tin cậy 95% của điểm trung bình toàn quốc năm 2012. Các cột phía bên phải biểu thị điểm số thấp nhất, trung vị (điểm của tỉnh nằm ở vị trí thứ 32) và cao nhất, và các tỉnh/thành phố có số điểm tương ứng phục vụ việc so sánh về điểm giữa các địa phương.

Biểu đồ 3.2a: Công khai, minh bạch (Trục nội dung 2)



Biểu đồ 3.2b: Mức độ thay đổi qua hai năm 2011 và 2012 ở Trục nội dung 2 (Công khai, minh bạch)



Bảng 3.2: Danh mục chỉ số thành phần thuộc Trục nội dung 2 - Công khai, minh bạch

Trục nội dung, nội dung thành phần	Mô tả Trục nội dung, nội dung thành phần và các chỉ số thành phần	Câu hỏi khảo sát PAPI 2012	Thang điểm		Điểm trung bình toàn quốc		Khoảng tin cậy 95%		Điểm số cấp tỉnh		
			Tối thiểu	Tối đa	PAPI 2011	PAPI 2012	Thấp	Cao	Thuộc đo	Điểm số	Tỉnh/ Thành phố
Trục nội dung 2	Công khai, minh bạch ở địa phương		1	10	5,47	5,61	5,52	5,69	Thấp nhất	4,56	Trà Vinh
									Trung vị	5,78	Hung Yên
									Cao nhất	6,95	Quảng Bình
<i>Nội dung thành phần 1</i>	<i>Danh sách hộ nghèo</i>		<i>0,33</i>	<i>3,3</i>	<i>2,15</i>	<i>2,23</i>	<i>2,19</i>	<i>2,28</i>	<i>Thấp nhất</i>	<i>1,51</i>	<i>Bình Thuận</i>
									<i>Trung vị</i>	<i>2,34</i>	<i>Hải Dương</i>
									<i>Cao nhất</i>	<i>2,79</i>	<i>Quảng Bình</i>
<i>Nội dung thành phần 2</i>	<i>Ngân sách cấp xã</i>		<i>0,33</i>	<i>3,3</i>	<i>1,76</i>	<i>1,77</i>	<i>1,73</i>	<i>1,81</i>	<i>Thấp nhất</i>	<i>1,33</i>	<i>Kiên Giang</i>
									<i>Trung vị</i>	<i>1,80</i>	<i>Bắc Kạn</i>
									<i>Cao nhất</i>	<i>2,39</i>	<i>Bình Phước</i>
<i>Nội dung thành phần 3</i>	<i>Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất</i>		<i>0,34</i>	<i>3,4</i>	<i>1,56</i>	<i>1,61</i>	<i>1,58</i>	<i>1,63</i>	<i>Thấp nhất</i>	<i>1,26</i>	<i>Đắk Lắk</i>
									<i>Trung vị</i>	<i>1,61</i>	<i>Hà Tĩnh</i>
									<i>Cao nhất</i>	<i>1,94</i>	<i>Thái Bình</i>
1. Danh sách hộ nghèo	Danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng qua	d202	0%	100%	53,55%	58,26%	55,03%	61,50%	Thấp nhất	31,90%	Trà Vinh
									Trung vị	64,17%	Hải Phòng
									Cao nhất	94,69%	Quảng Bình
1. Danh sách hộ nghèo	Có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo (% người dân cho là đúng)	d202a	0%	100%	39,85%	37,04%	34,42%	39,66%	Thấp nhất	8,12%	Điện Biên
									Trung vị	34,01%	Thái Bình
									Cao nhất	73,55%	Bình Thuận
1. Danh sách hộ nghèo	Có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo (% người dân cho là đúng)	d202b	0%	100%	34,66%	34,11%	31,52%	36,71%	Thấp nhất	6,30%	Hải Phòng
									Trung vị	34,39%	Đồng Nai
									Cao nhất	68,79%	Bình Thuận
2. Ngân sách cấp xã	Thu chi ngân sách của xã/phường được công bố công khai (%)	d203	0%	100%	29,80%	34,12%	31,31%	36,94%	Thấp nhất	10,19%	An Giang
									Trung vị	38,95%	Thừa Thiên-Huế
									Cao nhất	81,73%	Thái Bình
2. Ngân sách cấp xã	Người dân đã từng đọc bảng kê thu chi ngân sách (%)	d203a	0%	100%	37,38%	334,07%	30,36%	37,77%	Thấp nhất	8,75%	Ninh Bình
									Trung vị	32,00%	Hà Giang
									Cao nhất	76,43%	Quảng Ninh
2. Ngân sách cấp xã	Người dân tin vào tính chính xác của thông tin về thu chi ngân sách đã công bố (%)	d203b	0%	100%	69,66%	73,34%	70,41%	76,26%	Thấp nhất	33,26%	Trà Vinh
									Trung vị	74,39%	Bình Phước
									Cao nhất	96,89%	Vĩnh Long
3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất	Được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của xã/phường (%)	d204	0%	100%	19,99%	19,61%	17,34%	21,88%	Thấp nhất	4,10%	Trà Vinh
									Trung vị	19,07%	Vĩnh Long
									Cao nhất	48,22%	Hà Nam
3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất	Có dịp góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của xã/phường (%)	d205	0%	100%	6,19%	6,49%	5,43%	7,56%	Thấp nhất	0,41%	Trà Vinh
									Trung vị	6,17%	Khánh Hòa
									Cao nhất	26,40%	Hà Nam

Trục nội dung, nội dung thành phần	Mô tả Trục nội dung, nội dung thành phần và các chỉ số thành phần	Câu hỏi khảo sát PAPI 2012	Thang điểm		Điểm trung bình toàn quốc		Khoảng tin cậy 95%		Điểm số cấp tỉnh		
			Tối thiểu	Tối đa	PAPI 2011	PAPI 2012	Thấp	Cao	Thuộc đo	Điểm số	Tỉnh/ Thành phố
3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất	Chính quyền địa phương đã tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (%)	d205a	0%	100%	81,12%	82,65%	75,89%	89,41%	Thấp nhất Trung vị Cao nhất	19,66% 90,13% 100%	Đắk Lắk Thái Bình Hậu Giang
3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất	Ảnh hưởng của kế hoạch/quy hoạch sử dụng đất tới hộ gia đình (1=Không có ảnh hưởng gì, 2=Bất lợi; 3=Có lợi)	d206	1	3	2,05	2,09	2,02	2,15	Thấp nhất Trung vị Cao nhất	1,75 2,06 2,52	Hải Phòng Long An Điện Biên
3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất	Hộ gia đình không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây (%)	d207	0%	100%	71,38%	74,91%	72,80%	77,03%	Thấp nhất Trung vị Cao nhất	33,01% 74,36% 97,99%	Lai Châu Quảng Nam Trà Vinh
3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất	Hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường (%)	d207a	0%	100%	12,86%	17,96%	12,83%	23,10%	Thấp nhất Trung vị Cao nhất	0,00% 12,19% 71,57%	Điện Biên Lâm Đồng Thái Bình
3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất	Khi bị thu hồi đất, gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất (%)	d207c	0%	100%	93,12%	90,66%	86,37%	94,95%	Thấp nhất Trung vị Cao nhất	30,22% 96,42% 100%	Hải Dương Khánh Hòa Quảng Bình
3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất	Đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu (%)	d207d	0%	100%	85,40%	82,64%	78,17%	87,11%	Thấp nhất Trung vị Cao nhất	26,07% 90,30% 100%	Vinh Phúc Bình Thuận Phú Yên
3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất	Biết nơi cung cấp thông tin bảng giá đất được chính thức ban hành ở địa phương (%)	d208	0%	100%	38,25%	42,76%	40,18%	45,34%	Thấp nhất Trung vị Cao nhất	9,63% 43,65% 76,64%	Lai Châu Tiền Giang Hải Phòng

Công khai danh sách hộ nghèo

Công khai, minh bạch trong việc lập và thông tin về danh sách hộ nghèo là một nhiệm vụ quan trọng của các cấp chính quyền cơ sở. Danh sách hộ nghèo là một công cụ chính sách an sinh xã hội quan trọng, đặc biệt đối với những hộ gia đình được xếp vào diện hộ nghèo, bởi hộ gia đình đó sẽ nhận được ưu đãi về an sinh xã hội, chẳng hạn như được miễn giảm học phí bậc đại học hoặc được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Nội dung thành phần này được cấu thành từ tỉ lệ phần trăm (%) người dân cho là đúng của ba chỉ tiêu: (i) Danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng

qua; (ii) Có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo; và (iii) Có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo.

Ở chỉ tiêu thứ nhất, trên phạm vi toàn quốc, 58,26% số người được hỏi cho biết danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng qua, tăng 5% so với kết quả khảo sát năm 2011. Quảng Bình có tỉ lệ người trả lời đồng ý với ý kiến này cao nhất, đạt khoảng 95%. Trà Vinh là tỉnh có tỉ lệ thấp nhất, ở mức xấp xỉ 32%.

Ở chỉ tiêu thứ hai, trên toàn quốc có 37% số người được hỏi cho biết có những hộ thực tế rất nghèo nhưng

không được đưa vào danh sách hộ nghèo, có cải thiện chút ít so với tỉ lệ 39,8% của năm 2011. Ở Bình Thuận, 73,5% số người được hỏi xác nhận có hiện tượng như vậy xảy ra, trong khi ở Điện Biên chỉ có 8% cho biết như vậy. Thái Bình là địa phương có tỉ lệ người đồng ý có hiện tượng này ở mức trung vị là 34%, có nghĩa là hiện tượng làm sai lệch đối tượng hộ nghèo diễn ra khá phổ biến ở 31 địa phương.

Một vấn đề khác được phản ánh diễn ra khá phổ biến ở cấp cơ sở đó là có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo, phần lớn là qua các mối quan hệ thân quen với cán bộ chính quyền để được hưởng các chế độ đãi ngộ về an sinh xã hội. Trên toàn quốc có khoảng 34% số người được hỏi cho biết hiện tượng này xảy ra ở địa bàn xã/phường nơi họ sinh sống. Tỉ lệ này tương đồng với kết quả khảo sát năm 2011. Người dân Bình Thuận cho biết sai phạm này khá phổ biến do có tới 68,7% số người được hỏi hỏi quan sát có hiện tượng như vậy. Hải Phòng dường như là địa phương đảm bảo tốt tính minh bạch trong việc lập danh sách hộ nghèo, bởi chỉ có 6,3% số người trả lời cho biết có hiện tượng làm sai như vậy tại địa bàn dân cư.

Nhìn chung, điểm số ở nội dung thành phần này là cao nhất trong số ba nội dung thành phần, tương tự với phát hiện nghiên cứu năm 2011, đạt 2,23 điểm trên thang điểm từ 0,33 – 3,33. Quảng Bình đạt điểm rất gần điểm cao nhất với số điểm 2,79 (song vẫn thấp hơn nhiều so với 3,14 điểm, mức điểm cao nhất của năm 2011 của Sơn La). Bình Thuận là địa phương có điểm số thấp nhất, chỉ đạt 1,5 điểm.

Công khai thu chi ngân sách cấp xã, phường

Việc công khai đầy đủ về nội dung của bảng kê thu chi ngân sách cấp xã/phường là rất cần thiết để tránh sai phạm trong quản lý công quỹ theo quy định của Pháp lệnh THDCCS. Đây cũng là mối quan tâm của các cấp chính quyền, các nhà tài trợ và xã hội dân sự. Nội dung thành phần này tìm hiểu mức độ tuân thủ các quy định này của các cấp chính quyền cơ sở, đồng thời đánh giá chất lượng của thông tin ngân sách được công bố công khai.

Kết quả khảo sát năm 2012 cho thấy chỉ có khoảng 34% số người được hỏi cho biết xã/phường nơi họ đang sinh sống có công bố công khai các khoản thu chi ngân sách, tăng 5% so với tỉ lệ của năm 2011. Mặc dù vậy, tỉ lệ này còn rất thấp khi xét đến tầm quan trọng của việc công khai ngân sách cấp xã, và khi so với tỉ lệ người dân biết đến danh sách hộ nghèo. Thái Bình vẫn là địa phương có số người dân cho biết chính quyền cấp xã/phường công khai ngân sách lớn nhất, với 81.7%, cao hơn rất nhiều so với tỉ lệ này của tỉnh (67%) trong năm 2011. Tỉ lệ này ở An Giang là thấp nhất, chỉ ở mức 10,2%.

Chỉ tiêu đánh giá tiếp là về tỉ lệ người dân đã từng đọc bảng thống kê thu chi ngân sách. Trong số những người cho biết thu chi ngân sách cấp xã được công bố công khai, có khoảng 34% đã từng đọc bảng này, giảm nhẹ so với tỉ lệ 37,4% của năm 2011 và thấp hơn nhiều so với tỉ lệ 51% của năm 2010. Việc công bố công khai bảng thống kê thu chi ngân sách sẽ không có tác dụng nếu thông tin truyền tải đến người dân khó đọc, khó hiểu và không thu hút sự chú ý. Ninh Bình chỉ có 8,7% người dân đã từng xem bảng thống kê thu chi ngân sách, trong khi ở Quảng Ninh có tới 76,4% người trả lời đã từng đọc thông tin này.

Một kết quả đáng khích lệ đó là trong số những người đã đọc bảng thống kê ngân sách của xã/phường/thị trấn, có tới 73,3% tin vào tính chính xác của thông tin được công bố. Tỉ lệ này tương tự với tỉ lệ 70% của năm 2011. Khoảng cách về điểm các tỉnh/thành phố thuộc nhóm có điểm cao nhất và nhóm có điểm thấp nhất là khá rộng, thể hiện qua tỉ lệ người dân tin vào độ chính xác của thông tin công bố về ngân sách cấp xã/phường ở Vĩnh Long là 96,89%, trong khi tỉ lệ này ở Trà Vinh chỉ là 33,2%.

Nhìn chung có sự nhất quán trong phát hiện nghiên cứu về mức độ công khai, minh bạch thu chi ngân sách cấp xã/phường/thị trấn giữa hai năm 2011 và 2012. Trong năm 2012, điểm số trung bình toàn quốc của nội dung thành phần này đạt 1,77 (tương đương điểm 1,76 của năm 2011), chỉ đạt 59% của điểm cao nhất cần đạt được là 3,33 và thấp hơn nhiều so với điểm trung bình ở nội dung thành phần về danh sách hộ nghèo. Bình Phước đạt điểm cao nhất với 2,39 điểm, và Kiên Giang đạt điểm thấp nhất với 1,33 điểm.

Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất

Công khai, minh bạch trong quản lý đất đai, đặc biệt là trong quá trình quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng đất, đền bù thu hồi đất là việc làm hết sức bức thiết hiện nay, đặc biệt với dân cư nông thôn. Quản lý đất đai là một trong những lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng nhất và dễ dẫn tới căng thẳng và xung đột giữa chính quyền địa phương với người dân. Hai vụ việc mâu thuẫn đất đai giữa người dân và chính quyền địa phương ở huyện Tiên Lãng, Hải Phòng, và huyện Văn Giang, Hưng Yên cho thấy rõ tầm quan trọng của việc công khai, minh bạch về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất đền bù.³³

Do vậy, PAPI tập trung vào nội dung thành phần này nhiều hơn ở Trục nội dung 2. Nội dung thành phần này được cấu thành từ 9 chỉ số thành phần, một lượng chỉ số lớn nhất trong toàn bộ nghiên cứu PAPI. Chỉ số thành phần thứ nhất cho biết mức độ người dân được thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện nay của xã/phường nơi họ cư trú. Theo quy định của Pháp lệnh THDCCS, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được ban hành đồng thời với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và các chính sách, quy định khác của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, kết quả khảo sát năm 2012 cho thấy chỉ có 19,6% số người trả lời trên toàn quốc được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tương đương với tỉ lệ của năm 2011. Ở Trà Vinh chỉ có 4,1% người dân được biết thông tin quan trọng này. Ở Hà Nam, địa phương có tỉ lệ người dân được biết thông tin quy hoạch đất đai nhiều nhất trong cả nước cũng chỉ đạt 48,2% được biết thông tin. Các tỉ lệ cao nhất và thấp nhất này đều rất gần với phát hiện nghiên cứu năm 2010 và 2011.

Chỉ số tiếp theo cho biết mức độ chính quyền địa phương tạo điều kiện cho người dân tham gia đóng góp ý kiến đối với dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trước khi phê duyệt. Mặc dù đây là một yêu cầu quan

trọng của Pháp lệnh THDCCS, nhưng trên thực tế, hầu như các cấp chính quyền địa phương còn coi nhẹ. Kết quả khảo sát năm 2012 không mấy khả quan, bởi chỉ có 6,49% số người trả lời cho biết họ có cơ hội được tham gia đóng góp ý kiến, tương tự với kết quả của năm 2011. Hà Nam dường như làm tốt hơn cả mặc dù cũng chỉ có 26,4% số người trả lời cho biết họ có cơ hội được góp ý. Trong khi đó tỉ lệ này ở Trà Vinh chỉ là 0,4%. Việc người dân ít có cơ hội tham gia đóng góp ý kiến vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở xã/phường/thị trấn có thể là nhân tố dẫn tới gia tăng mâu thuẫn giữa người dân và các cấp chính quyền cơ sở.

Một phát hiện nghiên cứu lạc quan hơn đó là trong số những người đã có cơ hội góp ý cho dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, có đến 82,65% cho biết ý kiến của họ đã được tiếp thu, tương đương với kết quả 81% của năm 2011. Kết quả khảo sát ở 63 tỉnh/thành phố cho thấy có sự khác biệt đáng kể. Trong khi 31 tỉnh/thành phố có tỉ lệ trên 90% số người được hỏi cho biết ý kiến của họ được tiếp thu (giá trị trung vị), đặc biệt ở Hậu Giang có tới 100% số người đã góp ý với quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất xác nhận ý kiến của họ được tiếp thu, thì tỉ lệ này ở tỉnh Đắk Lắk chỉ là 19,6%.³⁴

So với kết quả khảo sát năm 2010 và 2011, kết quả của năm 2012 cho thấy tác động của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong thời gian gần nhất đến hộ gia đình gần như không đổi. Giá trị "1" có nghĩa là hộ gia đình không bị tác động; giá trị "2" có nghĩa là hộ gia đình bị ảnh hưởng bất lợi; và giá trị "3" có nghĩa là hộ gia đình được hưởng lợi. Điểm trung bình chung toàn quốc là 2,09, rất gần với điểm số 2,05 của năm 2011 và 2,04 của năm 2010 (sát giá trị 2: ảnh hưởng bất lợi). Số hộ dân ở Điện Biên được hưởng lợi nhiều bởi điểm số trung bình của tỉnh đạt 2,52 (gần giá trị 3), còn ở Hải Phòng các hộ gia đình bị ảnh hưởng bất lợi nhiều hơn, thể hiện qua điểm số trung bình 1,75 điểm (gần giá trị 2).

³³. Vụ việc ở huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tác động đến 166 hộ nông dân và gây dư luận trên toàn quốc. Xem Tuổi Trẻ Online (25/04/2012). Cường chế thu hồi đất, tạm giữ 20 người, tại <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-Xa-hoi/488813/cuong-che-thu-hoi-dat-tam-giu-20-nguoi.html>. Hai vụ việc Tiên Lãng và Văn Giang đều xảy ra trước khảo sát PAPI 2012.

³⁴. Lưu ý: trên thực tế số người đã đóng góp ý kiến rất thấp (đôi khi chỉ có khoảng 10 người ở mỗi tỉnh/thành phố), vì vậy dữ liệu này cần được xử lý cẩn thận để đảm bảo tính ổn định của dữ liệu khi so sánh qua các năm.

PAPI cũng xem xét tác động của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từ một góc nhìn khác, đó là hộ gia đình của người trả lời hay người dân cùng xã/phường có bị thu hồi (mất) đất do hệ quả của quy hoạch, kế hoạch đó hay không. Trung bình cả nước có 74,9% số người trả lời cho biết hộ gia đình không bị thu hồi đất, và tỉ lệ này tương đương với tỉ lệ 71,4% của năm 2011. Tỉ lệ người dân phản ánh không bị thu hồi đất cao nhất vẫn ở Trà Vinh (98%), và thấp nhất ở Lai Châu với 33%.

Một trong những vấn đề nóng bỏng còn tồn tại đó là mức giá đền bù cho đất bị thu hồi. Kết quả khảo sát năm 2011 cho thấy trung bình toàn quốc chỉ có 12,86% số hộ gia đình bị mất đất cho biết giá đền bù gần với giá thị trường. Tỉ lệ này tăng đến 17,96% trong năm 2012, song vẫn ở mức rất thấp. Nếu hiện trạng đền bù đất đai dưới mức giá thị trường còn tồn tại thì khiếu kiện liên quan đến đền bù đất đai sẽ còn gia tăng. Thái Bình là địa phương có tỉ lệ người trả lời cho biết giá đất đền bù sát với giá thị trường đạt mức cao nhất (71,5%), trong khi tỉ lệ này ở Điện Biên là 0%. Ở hơn 30 tỉnh/thành phố, tỉ lệ người dân cho biết giá đền bù sát với giá thị trường chỉ ở mức dưới 11%.

Chỉ số thành phần về việc công khai mục đích sử dụng đất thu hồi của người dân có tín hiệu khả quan hơn. Trung bình cả nước có 90,6% số người được hỏi từ những hộ gia đình bị thu hồi đất cho biết họ nhận được thông tin về mục đích sử dụng sau thu hồi, gần tương đương với tỉ lệ 93% của năm 2011. Tỉ lệ này ở Quảng Bình là cao nhất, đạt 100%, và thấp nhất ở Hải Dương

(30,2%). Tương tự như vậy, trên toàn quốc có tới 82,6% số người được hỏi từ những hộ bị thu hồi đất cho biết, hiện nay đất sau thu hồi đang được sử dụng với đúng mục đích ban đầu, gần bằng với tỉ lệ 85% của năm 2011. Có tới 100% hộ dân Phú Yên ghi nhận điều này, trong khi đó tỉ lệ này ở tỉnh Vĩnh Phúc chỉ là 26,1%.

Chỉ số cuối cùng trong nội dung thành phần này cho biết người dân sẽ làm gì khi muốn tìm hiểu về bảng giá đất được chính thức ban hành ở địa phương. Chỉ số này có ý nghĩa bởi khi người dân không biết làm thế nào để có được thông tin về khung giá đất, họ rất có thể trở thành nạn nhân của hành vi cố ý làm sai của cán bộ chính quyền liên quan đến đất đai và giá đền bù. Trên toàn quốc, chỉ có 42,7% số người được hỏi cho biết họ sẽ làm gì để có được thông tin, giảm 4% so với tỉ lệ của năm 2011. Có khoảng 76,6% số người được hỏi ở Hải Phòng cho biết họ biết tìm kiếm thông tin này ở đâu, trong khi đó tỉ lệ này ở Lai Châu chỉ là 9,6%.

Kết quả chung của nội dung thành phần về công khai, minh bạch trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đền bù thu hồi đất là thấp nhất trong toàn bộ Trục nội dung 2. Điểm số trung bình toàn quốc ở nội dung thành phần này chỉ đạt 1,61, đạt dưới 50% so với mức điểm tối đa cần đạt được là 3,33, và hầu như không có chuyển biến đáng kể so với kết quả 1,56 điểm của năm 2011. Thái Bình là tỉnh đạt điểm cao nhất ở mức 1,94 điểm, giữ nguyên vị trí đứng đầu của tỉnh với điểm số 1,9 của năm 2011. Hải Phòng đạt điểm thấp nhất ở mức 1,26 điểm.